

Số: 52 /QĐ-UBND

Cao Bằng, ngày 20 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Bộ Tiêu chí đánh giá mức độ thực hiện
dân chủ ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở ngày 10 tháng 11 năm 2022;

*Căn cứ Nghị định số 59/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 8 năm 2023 của
Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2023/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2023 của
Chính phủ quy định về xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của cộng
đồng dân cư;*

*Căn cứ Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Hội
đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành các biện pháp bảo đảm thực hiện dân
chủ ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Cao Bằng;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 140/TTr-SNV ngày 15
tháng 01 năm 2025.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Bộ Tiêu chí đánh giá mức độ thực hiện dân chủ ở cơ sở
trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, gồm:

- Bộ Tiêu chí đánh giá mức độ thực hiện dân chủ ở cơ quan, đơn vị.
- Bộ Tiêu chí đánh giá mức độ thực hiện dân chủ ở doanh nghiệp Nhà nước.
- Bộ Tiêu chí đánh giá mức độ thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn.

Điều 2. Tổ chức đánh giá mức độ thực hiện dân chủ ở cơ sở trên địa bàn
tỉnh cụ thể như sau:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đánh giá mức độ thực hiện dân chủ ở các Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; doanh nghiệp Nhà nước.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành đánh giá mức độ thực hiện dân chủ ở các cơ quan, đơn vị trực thuộc quản lý.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố đánh giá mức độ thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn; đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Điều 3. Kết quả đánh giá mức độ thực hiện dân chủ ở cơ sở được sử dụng làm cơ sở để đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý.

Điều 4. Giao Sở Nội vụ thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định và Tổ chuyên viên giúp việc Hội đồng của tỉnh, thực hiện nhiệm vụ Tổ trưởng Tổ thẩm định;

2. Theo dõi, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị tự chấm điểm đánh giá mức độ thực hiện dân chủ ở cơ sở hằng năm theo Bộ Tiêu chí đã ban hành; tổng hợp kết quả báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 6. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, doanh nghiệp Nhà nước, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 6.
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Ban Dân vận Tỉnh ủy;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NC, NV.



CHỦ TỊCH

Hoàng Xuân Ánh

BỘ TIÊU CHÍ
ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ THỰC HIỆN DÂN CHỦ Ở CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
(Ban hành kèm theo Quyết định số 52./QĐ-UBND ngày 20./01/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

I. Tiêu chí đánh giá mức độ thực hiện dân chủ ở cơ quan, đơn vị

STT	Nội dung tiêu chí	Điểm chuẩn	Điểm đơn vị tự chấm	Điểm do Hội đồng thẩm định chấm
TỔNG CỘNG		100		
I	CÔNG KHAI THÔNG TIN Ở CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	20		
	Tổ chức công khai trong nội bộ cơ quan, đơn vị các nội dung người đứng đầu cơ quan, đơn vị phải công khai quy định tại Điều 46 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, gồm:			
	1.1. Chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước liên quan đến tổ chức và hoạt động của cơ quan, đơn vị;	1		
	1.2. Kế hoạch công tác hằng năm, hằng quý, hằng tháng của cơ quan, đơn vị;	1		
	1.3. Số liệu, báo cáo thuyết minh dự toán ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền quyết định và các nguồn tài chính khác; tình hình thực hiện dự toán ngân sách và quyết toán ngân sách hằng năm của cơ quan, đơn vị; kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước (nếu có);	1		
	1.4. Tiêu chuẩn, định mức, thủ tục hành chính về tài sản công; tình hình đầu tư xây dựng, mua sắm, giao, thuê, sử dụng, thu hồi, điều chuyển, chuyển đổi công năng, bán, thanh lý, tiêu hủy và hình thức xử lý khác đối với tài sản công; tình hình khai thác nguồn lực tài chính từ tài sản công được giao quản lý, sử dụng;	1		
	1.5. Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công; nguyên tắc, tiêu chí, căn cứ xác định danh mục dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm; kế hoạch, chương trình đầu tư công của cơ quan, đơn vị, vốn bố trí theo từng năm, tiến độ thực hiện và giải ngân vốn chương trình đầu tư công; kế hoạch phân bổ vốn đầu tư công trung hạn và hằng năm gồm danh mục dự án và mức vốn đầu tư công cho từng dự án; tình hình huy động các nguồn lực và nguồn vốn khác tham gia thực hiện dự án đầu tư công; tình hình và kết quả thực hiện kế hoạch, chương trình, dự án; tiến độ thực hiện và giải ngân của dự án; kết quả nghiệm thu, đánh giá chương trình, dự án; quyết toán vốn đầu tư công;	1		
1	1.6. Việc tuyển dụng, tiếp nhận, đào tạo, bồi dưỡng, điều động, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, biệt phái, từ chức, miễn nhiệm, quy hoạch, chuyển đổi vị trí công tác; hợp đồng làm việc, thay đổi chức danh nghề nghiệp, thay đổi vị trí việc làm, chấm dứt hợp đồng làm việc; đi công tác nước ngoài; giải quyết chế độ, nâng bậc lương, nâng ngạch, đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; các đề án, dự án, chương trình, kế hoạch và việc xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan, đơn vị;	1		
	1.7. Kết luận của cấp có thẩm quyền về vụ việc tiêu cực, tham nhũng, lãng phí trong cơ quan, đơn vị; bản kê khai tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ phải kê khai theo quy định của pháp luật;	1		
	1.8. Kết quả thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị trong nội bộ cơ quan, đơn vị;	1		
	1.9. Nội quy, quy chế, quy định của cơ quan, đơn vị; quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, đơn vị;	1		
	1.10. Kết quả tổng hợp ý kiến và giải trình, tiếp thu ý kiến của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động về những nội dung cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tham gia ý kiến quy định tại Điều 53 của Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở;	1		
	1.11. Văn bản chỉ đạo, điều hành của cơ quan quản lý cấp trên liên quan đến hoạt động của cơ quan, đơn vị;	1		
	1.12. Nội dung khác theo quy định của pháp luật và quy chế thực hiện dân chủ của cơ quan, đơn vị.	1		
2	Có 90% trở lên cán bộ, công chức, viên chức, người lao động nắm được các nội quy, quy chế, chế độ, chính sách đang thực hiện trong cơ quan, đơn vị.	4		

3	Thường xuyên đăng tải đầy đủ các nội dung và các hoạt động khác liên quan đến việc thực hiện dân chủ ở cơ sở trên trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị (nếu có) (chuyên mục “Dân chủ ở cơ sở”).	4		
II	CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG BÀN VÀ QUYẾT ĐỊNH	20		
	Tổ chức thực hiện đầy đủ các nội dung cán bộ, công chức, viên chức, người lao động bàn và quyết định theo quy định tại Điều 49 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, gồm:			
1	1.1. Bầu, cho thôi làm thành viên Ban Thanh tra nhân dân ở cơ quan, đơn vị (tiêu chí này được tính điểm trong cả nhiệm kỳ của Ban Thanh tra nhân dân)	1		
	1.2. Việc thu, chi, quản lý, sử dụng các khoản đóng góp của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tại cơ quan, đơn vị ngoài các khoản đã được pháp luật quy định.	1		
	1.3. Nội dung nghị quyết hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.	1		
	1.4. Các công việc tự quản khác trong nội bộ cơ quan, đơn vị không trái với quy định của pháp luật, phù hợp với đạo đức xã hội.	1		
2	Tổ chức Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đúng thời gian, trình tự theo quy định.	6		
3	Hội nghị có ít nhất là hai phần ba tổng số cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của cơ quan, đơn vị hoặc ít nhất là hai phần ba tổng số đại biểu được triệu tập có mặt. Nghị quyết, quyết định của hội nghị được trên 50% tổng số người dự hội nghị tán thành và nội dung không trái với quy định của pháp luật, phù hợp với đạo đức xã hội;	5		
4	Định kỳ 6 tháng một lần, người đứng đầu cơ quan, đơn vị phối hợp với Ban Chấp hành Công đoàn tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; thông báo kết quả kiểm tra, đánh giá đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, đơn vị.	5		
III	CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG THAM GIA Ý KIẾN	20		
	Tổ chức thực hiện đầy đủ các nội dung cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tham gia ý kiến quy định tại Điều 53 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, gồm:			
1	1.1. Giải pháp thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị.	1		
	1.2. Kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan, đơn vị.	1		
	1.3. Tổ chức phong trào thi đua của cơ quan, đơn vị.	1		
	1.4. Báo cáo sơ kết, tổng kết của cơ quan, đơn vị.	1		
	1.5. Các biện pháp cải tiến tổ chức, hoạt động và lề lối làm việc; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống quan liêu, phiền hà, sách nhiễu Nhân dân.	1		
	1.6. Kế hoạch tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; bầu cử, bổ nhiệm cán bộ, công chức, viên chức.	1		
	1.7. Thực hiện chế độ, chính sách liên quan đến quyền và lợi ích của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.	1		
	1.8. Dự thảo quy chế thực hiện dân chủ của cơ quan, đơn vị.	1		
	1.9. Dự thảo quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị (nếu có).	1		
	1.10. Các dự thảo nội quy, quy chế khác của cơ quan, đơn vị.	1		
	1.11. Các nội dung khác theo quy định của pháp luật và quy chế thực hiện dân chủ của cơ quan, đơn vị.	1		
2	Có nhiều hình thức linh hoạt để người lao động tham gia ý kiến vào các nội dung phù hợp với điều kiện của cơ quan, đơn vị theo quy định tại Điều 54 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, gồm:			
	1.1. Tham gia ý kiến trực tiếp với người đứng đầu cơ quan, đơn vị hoặc thông qua người phụ trách các bộ phận của cơ quan, đơn vị;	1		
	1.2. Thông qua hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và các cuộc họp, hội nghị khác của cơ quan, đơn vị;	1		
	1.3. Thể hiện ý kiến qua phiếu lấy ý kiến trực tiếp hoặc dự thảo văn bản do cấp có thẩm quyền gửi;	1		

	1.4. Tham gia ý kiến qua hòm thư góp ý, đường dây nóng, hệ thống thông tin nội bộ hoặc cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị;	1		
	1.5. Thông qua Công đoàn và các tổ chức đoàn thể khác tại cơ quan, đơn vị;	1		
	1.6. Các hình thức khác không trái với quy định của pháp luật và được quy định trong quy chế thực hiện dân chủ của cơ quan, đơn vị.	1		
3	Có kế hoạch tổ chức lấy ý kiến cán bộ, công chức, viên chức, người lao động hoặc có thể lồng ghép vào Kế hoạch thực hiện dân chủ cơ sở hằng năm của đơn vị và tổ chức lấy ý kiến theo đúng kế hoạch	3		
IV	CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG KIỂM TRA, GIÁM SÁT	20		
1	Có ban hành quy chế thực hiện dân chủ của cơ quan, đơn vị	4		
2	Người đứng đầu và Ban Chấp hành Công đoàn tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thực hiện quyền kiểm tra, giám sát.	4		
3	Kết quả kiểm tra, giám sát được công khai theo quy định	4		
4	Ban Thanh tra Nhân dân có kế hoạch hoạt động theo từng quý, 6 tháng và hằng năm; thực hiện kiểm tra, giám sát theo chương trình, báo cáo hoạt động của mình với Ban Chấp hành Công đoàn và tại hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, người lao động	4		
	Ban Thanh tra Nhân dân được hỗ trợ kinh phí hoạt động và thực hiện thanh quyết toán 100% kinh phí được hỗ trợ.	4		
V	ĐIỂM THUỞNG	20		
1	Thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn chế độ báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về việc thực hiện dân chủ ở cơ sở	5		
2	Thực hiện có hiệu quả công tác cải cách thủ tục hành chính, công tác tiếp dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo trong nội bộ	5		
3	Cán bộ, công chức, viên chức có tinh thần trách nhiệm với công việc, thực hiện tốt đạo đức công vụ; không gây phiền hà, những nhiễu đối với cá nhân và tổ chức đến liên hệ công tác	5		
4	- Cơ quan, đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị được cấp trên giao	1,25		
	- Đoàn kết trong nội bộ của cơ quan, đơn vị	1,25		
	- Chi, Đảng bộ, chính quyền và các đoàn thể chính trị, xã hội được công nhận hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	1,25		
	- Trong nội bộ cơ quan, đơn vị không có cán bộ, công chức, viên chức bị tố cáo, khiếu nại phải xem xét, giải quyết	1,25		

II. Cách thức đánh giá mức độ thực hiện dân chủ ở cơ sở

1. Căn cứ vào tiêu chí và mức độ thực hiện để tính điểm; từng nội dung phải nêu rõ kết quả thực hiện (có văn bản kiểm chứng hoặc giải trình rõ ràng), nội dung nào nếu không nêu rõ kết quả thì không tính điểm. Đối với các tiêu chí có nhiều nội dung, nếu thực hiện chưa tốt nội dung nào thì trừ điểm nội dung đó. Các tiêu chí không phát sinh trong năm thì được tính điểm tối đa của tiêu chí đó.

2. Cách chấm điểm các tiêu chí

- Tiêu chí nào thực hiện tốt chấm 100% số điểm chuẩn; tiêu chí nào thực hiện chưa tốt tính điểm tương ứng theo tỷ lệ các nội dung đạt được trong tiêu chí, ở các mức 25% hoặc 50% hoặc 75%; và tiêu chí nào chưa thực hiện thì chấm 0 điểm.

- Trừ 25% số điểm đối với các nội dung thực hiện còn hạn chế; trừ 50% số điểm đối với các nội dung thực hiện chậm tiến độ.

3. Việc xét điểm trừ trong tổ chức thực hiện

- Đối với các cơ quan, đơn vị trong năm nếu để xảy ra mất đoàn kết nội bộ, tham nhũng, tiêu cực, vi phạm việc thực hiện dân chủ ở cơ sở thì chỉ được xếp loại trung bình trở xuống.

- Đối với các cơ quan, đơn vị trong năm vi phạm một trong số những nội dung sau thì hạ một bậc xếp loại so với điểm chuẩn, cụ thể:

+ Có đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật chính quyền (hoặc đảng) từ hình thức cảnh cáo trở lên.

+ Có cán bộ lãnh đạo chủ chốt của cơ quan, đơn vị bị kỷ luật chính quyền (hoặc đảng) từ hình thức khiển trách trở lên.

+ Cấp ủy đảng, chính quyền được cấp trên đánh giá từ mức độ hoàn thành nhiệm vụ trở xuống.

III. Xếp loại mức độ thực hiện dân chủ ở cơ sở

1. Loại xuất sắc: Đạt trên 90 điểm, trong đó không có tiêu chí nào có số điểm đạt dưới 75% số điểm chuẩn của từng tiêu chí.

2. Loại tốt: Đạt trên 80 điểm đến 90 điểm, trong đó không có tiêu chí nào có số điểm đạt dưới 60% số điểm chuẩn của từng tiêu chí.

3. Loại khá: Đạt trên 70 điểm đến 80 điểm, trong đó không có tiêu chí nào có số điểm đạt dưới 50% số điểm chuẩn của từng tiêu chí.

4. Loại trung bình: Đạt từ 50 điểm đến 70 điểm, trong đó không có tiêu chí nào bị 0 điểm.

5. Loại yếu: Đạt dưới 50 điểm.

BỘ TIÊU CHÍ
ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ THỰC HIỆN DÂN CHỦ Ở XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN
(Ban hành kèm theo Quyết định số 52/QĐ-UBND ngày 20/01/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

I. Tiêu chí đánh giá mức độ thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn

STT	Nội dung tiêu chí	Điểm chuẩn	Điểm đơn vị tự chấm	Điểm do Hội đồng thẩm định chấm
TỔNG CỘNG		100		
I	CÔNG KHAI THÔNG TIN Ở XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN	20		
1	Tổ chức công khai các nội dung chính quyền địa phương cấp xã phải công khai quy định tại Điều 11 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, gồm:			
	1.1. Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phương án chuyển dịch cơ cấu kinh tế hằng năm của cấp xã và kết quả thực hiện;	1		
	1.2. Số liệu, báo cáo thuyết minh dự toán ngân sách nhà nước, kế hoạch hoạt động tài chính của cấp xã trình Hội đồng nhân dân cấp xã; dự toán ngân sách, kế hoạch hoạt động tài chính đã được Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định; số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách cấp xã định kỳ theo quý, 06 tháng, hằng năm; quyết toán ngân sách nhà nước và kết quả thực hiện các hoạt động tài chính khác đã được Hội đồng nhân dân cấp xã phê chuẩn; kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước (nếu có);	1		
	1.3. Dự án, công trình đầu tư trên địa bàn cấp xã và tiến độ thực hiện; kế hoạch thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất để thực hiện dự án, công trình đầu tư trên địa bàn cấp xã; kế hoạch quản lý, sử dụng quỹ đất do cấp xã quản lý; kế hoạch cho thuê đất thuộc quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích của cấp xã; quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch xây dựng xã và điểm dân cư nông thôn; quy hoạch chung được lập cho thị trấn, đồ án quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết được lập cho các khu vực thuộc phạm vi thị trấn;	1		
	1.4. Quy chế thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn; nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương cấp xã;	1		
	1.5. Việc quản lý và sử dụng các loại quỹ, khoản đầu tư, tài trợ theo chương trình, dự án đối với địa bàn cấp xã; các khoản huy động Nhân dân đóng góp;	1		
	1.6. Tình hình đầu tư xây dựng, mua sắm, giao, thuê, sử dụng, thu hồi, điều chuyển, chuyển đổi công năng, bán, thanh lý, tiêu hủy và hình thức xử lý khác đối với tài sản công do cấp xã quản lý; tình hình khai thác nguồn lực tài chính từ tài sản công của chính quyền địa phương cấp xã;	1		
	1.7. Chủ trương, chính sách, kế hoạch, tiêu chí, đối tượng, quy trình bình xét và kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ, trợ cấp, tín dụng để thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, phát triển sản xuất, hỗ trợ xây dựng nhà ở, cấp thẻ bảo hiểm y tế và các chính sách an sinh xã hội khác được tổ chức triển khai trên địa bàn cấp xã;	1		
	1.8. Thông tin về phạm vi, đối tượng, cách thức bình xét, xác định đối tượng, mức hỗ trợ, thời gian, thủ tục thực hiện phân phối các khoản hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để khắc phục khó khăn do thiên tai, dịch bệnh, sự cố, thảm họa hoặc để hỗ trợ bệnh nhân mắc bệnh hiểm nghèo trên địa bàn cấp xã; việc quản lý, sử dụng các nguồn đóng góp, quyền góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài dành cho các đối tượng trên địa bàn cấp xã;	1		
	1.9. Số lượng, đối tượng, tiêu chuẩn gọi nhập ngũ; danh sách công dân đủ điều kiện nhập ngũ và thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân; danh sách công dân được gọi nhập ngũ và thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân; danh sách tạm hoãn gọi nhập ngũ, miễn gọi nhập ngũ trên địa bàn cấp xã;	1		

	1.10. Kết quả thanh tra, kiểm tra, giải quyết các vụ việc tham nhũng, tiêu cực, vi phạm kỷ luật đối với cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; kết quả lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch và Trưởng ban của Hội đồng nhân dân cấp xã, Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các Ủy viên Ủy ban nhân dân cấp xã;	1		
	1.11. Kế hoạch lấy ý kiến Nhân dân, nội dung lấy ý kiến, kết quả tổng hợp ý kiến và giải trình, tiếp thu ý kiến của Nhân dân đối với những nội dung chính quyền địa phương cấp xã đưa ra lấy ý kiến Nhân dân quy định tại Điều 25 của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở;	1		
	1.12. Đối tượng, mức thu các loại phí, lệ phí và nghĩa vụ tài chính khác do chính quyền địa phương cấp xã trực tiếp thu;	1		
	1.13. Các thủ tục hành chính, thủ tục giải quyết công việc liên quan đến tổ chức, cá nhân do chính quyền địa phương cấp xã trực tiếp thực hiện;	1		
	1.14. Nội dung khác theo quy định của pháp luật và quy chế thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn.	1		
2	Có kế hoạch thực hiện việc công khai thông tin và tổ chức công khai theo đúng kế hoạch	3		
3	Thường xuyên đăng tải đầy đủ các nội dung phải công khai và các hoạt động khác liên quan đến việc thực hiện dân chủ ở cơ sở trên trang thông tin điện tử của cấp xã (chuyên mục “ Dân chủ ở cơ sở ”).	3		
II	NHÂN DÂN BÀN VÀ QUYẾT ĐỊNH	20		
	Tổ chức thực hiện đầy đủ các nội dung Nhân dân bàn và quyết định theo quy định tại Điều 15 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, gồm:			
	1.1. Chủ trương và mức đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình công cộng trong phạm vi địa bàn cấp xã, ở thôn, tổ dân phố do Nhân dân đóng góp toàn bộ hoặc một phần kinh phí, tài sản, công sức.	1		
1	1.2. Việc thu, chi, quản lý các khoản đóng góp của Nhân dân tại cộng đồng dân cư ngoài các khoản đã được pháp luật quy định; việc thu, chi, quản lý các khoản kinh phí, tài sản do cộng đồng dân cư được giao quản lý hoặc được tiếp nhận từ các nguồn thu, tài trợ, ủng hộ hợp pháp khác.	1		
	1.3. Nội dung hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư.	1		
	1.4. Bầu, cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.	1		
	1.5. Bầu, cho thôi làm thành viên Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng.	1		
	1.6. Các công việc tự quản khác trong nội bộ cộng đồng dân cư không trái với quy định của pháp luật, phù hợp với thuần phong, mỹ tục và đạo đức xã hội.	1		
	Có nhiều hình thức linh hoạt để Nhân dân bàn và quyết định các nội dung phù hợp với điều kiện theo quy định tại Điều 17 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, gồm:			
2	2.1. Tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư;	1		
	2.2. Phát phiếu lấy ý kiến của từng hộ gia đình;	1		
	2.3. Biểu quyết trực tuyến phù hợp với mức độ ứng dụng công nghệ thông tin và được cộng đồng dân cư thống nhất lựa chọn.	1		
3	Có kế hoạch tổ chức để Nhân dân bàn, quyết định các nội dung có phạm vi thực hiện trong địa bàn cấp xã và thực hiện theo đúng kế hoạch	4		
	Trách nhiệm của Nhân dân, cộng đồng dân cư cấp xã trong việc tham gia bàn, quyết định các nội dung, công việc ở cơ sở:			
	4.1. Tỷ lệ công dân, hộ gia đình hoặc đại diện hộ gia đình tham dự các cuộc họp của cộng đồng dân cư đạt từ 90% - 100%	7		

4	4.2. Tỷ lệ công dân, hộ gia đình hoặc đại diện hộ gia đình tham dự các cuộc họp của cộng đồng dân cư đạt từ 70% < 90%	5		
	4.3. Tỷ lệ công dân, hộ gia đình hoặc đại diện hộ gia đình tham dự các cuộc họp của cộng đồng dân cư đạt từ 50% < 70%	3		
	4.4. Tỷ lệ công dân, hộ gia đình hoặc đại diện hộ gia đình tham dự các cuộc họp của cộng đồng dân cư dưới 50%	0		
III	NHÂN DÂN THAM GIA Ý KIẾN	25		
1	Tổ chức thực hiện đầy đủ các nội dung Nhân dân tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định quy định tại Điều 25 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, gồm:			
	1.1. Dự thảo kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cấp xã; phương án chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cơ cấu sản xuất; đề án định canh, định cư, vùng kinh tế mới và phương án phát triển ngành, nghề của cấp xã.	1		
	1.2. Dự thảo quy hoạch sử dụng đất cấp huyện và phương án điều chỉnh; việc quản lý, sử dụng quỹ đất được giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý.	1		
	1.3. Chủ trương, chính sách đầu tư, xây dựng, đất đai, xử lý chất thải và bảo vệ môi trường, đền bù, giải phóng mặt bằng và phương án di dân, tái định canh, định cư đối với việc quyết định đầu tư công dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A, dự án có quy mô di dân, tái định canh, định cư lớn, dự án có nguy cơ tác động xấu đến môi trường, dự án có ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống kinh tế - xã hội của cộng đồng dân cư nơi thực hiện dự án.	1		
	1.4. Dự thảo đề án thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính, đặt tên, đổi tên đơn vị hành chính; dự thảo đề án thành lập, giải thể, nhập, chia, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố, ghép cụm dân cư	1		
	1.5. Dự thảo quyết định hành chính của Ủy ban nhân dân cấp xã có liên quan đến lợi ích cộng đồng, bao gồm quyết định ban hành hoặc phê duyệt chương trình, kế hoạch, dự án, đề án có nội dung tác động đến môi trường, sức khỏe của cộng đồng, trật tự, an toàn xã hội và những vấn đề khác có ảnh hưởng đến cộng đồng.	1		
	1.6. Dự thảo nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chung xây dựng, dự thảo nhiệm vụ và đồ án quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết xây dựng và quy hoạch chung xây dựng xã, quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn.	1		
	1.7. Dự thảo quy chế về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn; dự thảo quy chế thực hiện dân chủ trong từng lĩnh vực, nội dung hoạt động cụ thể ở xã, phường, thị trấn (nếu có).	1		
	1.8. Dự thảo quyết định hành chính có nội dung xác lập nghĩa vụ hoặc làm chấm dứt, hạn chế quyền, lợi ích của đối tượng thi hành là công dân trên địa bàn cấp xã.	1		
	1.9. Các nội dung khác theo quy định của pháp luật, quy chế thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn, theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc chính quyền cấp xã thấy cần lấy ý kiến.	1		
2	Có nhiều hình thức linh hoạt để Nhân dân tham gia ý kiến vào các nội dung phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương theo quy định tại Điều 26 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, gồm:			
	2.1. Hội nghị trao đổi, đối thoại giữa Ủy ban nhân dân cấp xã với Nhân dân;	1		
	2.2. Tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư;	1		
	2.3. Phát phiếu lấy ý kiến của hộ gia đình;	1		
	2.4. Thông qua hòm thư góp ý, đường dây nóng (nếu có);	1		
	2.5. Thông qua Ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố và các tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở;	1		
	2.6. Thông qua cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử của chính quyền địa phương cấp xã	1		
	2.7. Thông qua mạng viễn thông, mạng xã hội hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật, bảo đảm phù hợp với mức độ ứng dụng công nghệ thông tin tại cấp xã, tại thôn, tổ dân phố;	1		

	2.8. Tổ chức đối thoại, lấy ý kiến công dân là đối tượng thi hành đối với nội dung quy định tại khoản 8 Điều 25 của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.	1		
3	Có kế hoạch tổ chức lấy ý kiến Nhân dân và tổ chức lấy ý kiến theo đúng kế hoạch	3		
4	Trách nhiệm của Nhân dân, cộng đồng dân cư cấp xã trong việc tham gia ý kiến:			
	4.1. Tỷ lệ công dân, hộ gia đình hoặc đại diện hộ gia đình tham gia ý kiến đạt từ 90% - 100%	5		
	4.2. Tỷ lệ công dân, hộ gia đình hoặc đại diện hộ gia đình tham gia ý kiến đạt từ 70 < 90%	3		
	4.3. Tỷ lệ công dân, hộ gia đình hoặc đại diện hộ gia đình tham gia ý kiến đạt từ 50 < 70%	2		
	4.4. Tỷ lệ công dân, hộ gia đình hoặc đại diện hộ gia đình tham gia ý kiến dưới 50%	0		
IV	NHÂN DÂN KIỂM TRA, GIÁM SÁT	20		
1	Tổ chức ít nhất một lần hội nghị trao đổi, đối thoại với Nhân dân	4		
2	Có ban hành và thực hiện có hiệu quả Quy chế thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn	4		
3	Ban Thanh tra Nhân dân có kế hoạch hoạt động theo từng quý, 6 tháng và hằng năm	4		
4	Thành lập Ban giám sát đầu tư của cộng đồng theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn; có chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát đầu tư, báo cáo kết quả thực hiện	4		
5	Ban Thanh tra Nhân dân và Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng được hỗ trợ kinh phí hoạt động và thực hiện thanh quyết toán 100% kinh phí được hỗ trợ.	4		
V	ĐIỂM THƯỞNG	15		
1	Thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn chế độ báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về việc thực hiện dân chủ ở cơ sở	5		
2	Thực hiện tốt phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”, phát huy quyền làm chủ của nhân dân; góp phần tăng trưởng kinh tế đạt và vượt chỉ tiêu mà HĐND đề ra hàng năm	5		
3	Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn ổn định; thực hiện tốt công tác cải cách hành chính, tiếp dân, đối thoại với nhân dân, không có hồ sơ hành chính còn tồn đọng; không có đơn thư khiếu kiện đông người, vượt cấp; không phát sinh điểm nóng, không xảy ra các vụ đình công, ngừng việc tập thể và các vụ việc phức tạp khác trên địa bàn.	5		

II. Cách thức đánh giá mức độ thực hiện dân chủ ở cơ sở

1. Căn cứ vào tiêu chí và mức độ thực hiện để tính điểm; từng nội dung phải nêu rõ kết quả thực hiện (có văn bản kiểm chứng hoặc giải trình rõ ràng), nội dung nào nếu không nêu rõ kết quả thì không tính điểm. Đối với các tiêu chí có nhiều nội dung, nếu thực hiện chưa tốt nội dung nào thì trừ điểm nội dung đó. Các tiêu chí không phát sinh trong năm thì được tính điểm tối đa của tiêu chí đó.

2. Cách chấm điểm các tiêu chí

- Tiêu chí nào thực hiện tốt chấm 100% số điểm chuẩn; tiêu chí nào thực hiện chưa tốt tính điểm tương ứng theo tỷ lệ các nội dung đạt được trong tiêu chí, ở các mức 25% hoặc 50% hoặc 75%; và tiêu chí nào chưa thực hiện thì chấm 0 điểm.

- Trừ 25% số điểm đối với các nội dung thực hiện còn hạn chế; trừ 50% số điểm đối với các nội dung thực hiện chậm tiến độ.

3. Việc xét điểm trừ trong tổ chức thực hiện

- Đối với các cơ quan, đơn vị trong năm nếu để xảy ra mất đoàn kết nội bộ, tham nhũng, tiêu cực, vi phạm dân chủ thì chỉ được xếp loại trung bình trở xuống.

- Đối với các cơ quan, đơn vị trong năm vi phạm một trong số những nội dung sau thì hạ một bậc xếp loại so với điểm chuẩn, cụ thể:

+ Có đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật chính quyền (hoặc đảng) từ hình thức cảnh cáo trở lên.

+ Có cán bộ lãnh đạo chủ chốt của cơ quan, đơn vị bị kỷ luật chính quyền (hoặc đảng) từ hình thức khiển trách trở lên.

+ Cấp ủy đảng, chính quyền được cấp trên đánh giá từ mức độ hoàn thành nhiệm vụ trở xuống.

III. Xếp loại mức độ thực hiện dân chủ ở cơ sở

1. *Loại xuất sắc:* Đạt trên 90 điểm, trong đó không có tiêu chí nào có số điểm đạt dưới 75% số điểm chuẩn của từng tiêu chí.

2. *Loại tốt:* Đạt trên 80 điểm đến 90 điểm, trong đó không có tiêu chí nào có số điểm đạt dưới 60% số điểm chuẩn của từng tiêu chí.

3. *Loại khá:* Đạt trên 70 điểm đến 80 điểm, trong đó không có tiêu chí nào có số điểm đạt dưới 50% số điểm chuẩn của từng tiêu chí.

4. *Loại trung bình:* Đạt từ 50 điểm đến 70 điểm, trong đó không có tiêu chí nào bị 0 điểm.

5. *Loại yếu:* Đạt dưới 50 điểm.

BỘ TIÊU CHÍ
ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ THỰC HIỆN DÂN CHỦ Ở DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC
(Ban hành kèm theo Quyết định số 52/QĐ-UBND ngày 20/01/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

I. Tiêu chí đánh giá mức độ thực hiện dân chủ ở Doanh nghiệp Nhà nước

STT	Nội dung tiêu chí	Điểm chuẩn	Điểm đơn vị tự chấm	Điểm do Hội đồng thẩm định chấm
TỔNG CỘNG		100		
I	CÔNG KHAI THÔNG TIN Ở DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC	20		
1	Tổ chức công khai trong nội bộ doanh nghiệp các nội dung doanh nghiệp Nhà nước phải công khai quy định tại Điều 64 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, gồm:			
	1.1. Tình hình sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình hoạt động của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và pháp luật khác có liên quan;	1		
	1.2. Nội quy lao động, thang lương, bảng lương, định mức lao động, nội quy, quy chế và các quy định khác của doanh nghiệp liên quan đến quyền, lợi ích và nghĩa vụ của người lao động;	1		
	1.3. Các thỏa ước lao động tập thể mà doanh nghiệp đã ký kết, tham gia;	1		
	1.4. Việc trích lập, sử dụng quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi và các quỹ do người lao động đóng góp (nếu có);	1		
	1.5. Việc trích nộp kinh phí công đoàn, đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp;	1		
	1.6. Tình hình thực hiện công tác thi đua, khen thưởng, kỷ luật, giải quyết kiến nghị, phản ánh liên quan đến quyền, lợi ích và nghĩa vụ của người lao động;	1		
	1.7. Quy chế thực hiện dân chủ của doanh nghiệp;	1		
	1.8. Các nội dung khác về thông tin tài chính, quản lý tài sản công, về công tác cán bộ theo quy định của pháp luật và quy chế thực hiện dân chủ tại doanh nghiệp.	1		
2	Có 90% trở lên người lao động nắm được các nội quy, quy chế, chế độ, chính sách đang thực hiện trong doanh nghiệp.	4		
3	Có 90% trở lên người lao động nắm được kế hoạch, tình hình sản xuất kinh doanh và tình hình công khai tài chính hằng năm của doanh nghiệp về các nội dung liên quan đến người lao động.	4		
4	Thực hiện tốt việc công khai tất cả các ý kiến tham gia của người lao động: Các nội dung tiếp thu hoặc không tiếp thu, giải trình nêu rõ lý do; nêu các giải pháp, lộ trình thực hiện.	4		
II	NGƯỜI LAO ĐỘNG Ở DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC BÀN VÀ QUYẾT ĐỊNH	20		
1	Tổ chức thực hiện đầy đủ các nội dung người lao động bàn và quyết định theo quy định tại Điều 67 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, gồm:			
	1.1. Nội dung thương lượng tập thể đã đạt được theo quy định của pháp luật.	1		
	1.2. Việc lập các loại quỹ và thu, chi, quản lý, sử dụng các khoản từ thu nhập, đóng góp của người lao động.	1		
	1.3. Việc bầu, cho thôi làm thành viên Ban Thanh tra nhân dân.	1		
	1.4. Nội dung nghị quyết của hội nghị người lao động.	1		
	1.5. Các nội dung tự quản khác trong nội bộ doanh nghiệp nhà nước không trái với quy định của pháp luật, phù hợp với đạo đức xã hội.	1		
2	Tổ chức Hội nghị người lao động đúng thời gian và trình tự quy định.	5		

3	Hội nghị người lao động có ít nhất hai phần ba tổng số người lao động của doanh nghiệp hoặc ít nhất là hai phần ba tổng số đại biểu được triệu tập có mặt. Nghị quyết, quyết định của hội nghị có trên 50% tổng số người dự hội nghị tán thành và nội dung không trái với quy định của pháp luật, phù hợp với đạo đức xã hội.	5		
4	Định kỳ 6 tháng một lần, người đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp nhà nước phối hợp cùng Ban Chấp hành Công đoàn ở doanh nghiệp, ban đại diện của tổ chức đại diện khác của người lao động ở cơ sở (nếu có) tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết hội nghị người lao động; thông báo kết quả kiểm tra, đánh giá đến toàn thể người lao động trong doanh nghiệp.	5		
III	NGƯỜI LAO ĐỘNG Ở DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC THAM GIA Ý KIẾN	20		
	Tổ chức thực hiện đầy đủ các nội dung người lao động tham gia ý kiến quy định tại Điều 71 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, gồm:			
1	1.1. Việc xây dựng, sửa đổi, bổ sung nội quy, quy chế và các quy định nội bộ khác của doanh nghiệp có liên quan đến nghĩa vụ, quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động;	2		
	1.2. Việc xây dựng, sửa đổi, bổ sung thang lương, bảng lương, định mức lao động;	2		
	1.3. Việc tổ chức thực hiện giải pháp cải thiện điều kiện làm việc, bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy nổ; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực;	2		
	1.4. Dự thảo quy trình, thủ tục nội bộ về giải quyết tranh chấp lao động, xử lý kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất và các nội dung khác liên quan đến quyền, nghĩa vụ của người lao động mà doanh nghiệp thấy cần tham khảo ý kiến;	1		
	1.5. Dự thảo quy chế thực hiện dân chủ của doanh nghiệp;	1		
	1.6. Các nội dung khác liên quan đến quyền và nghĩa vụ của người lao động theo quy định của pháp luật và quy chế thực hiện dân chủ của doanh nghiệp.	1		
	1.7. Nội dung, hình thức thỏa ước lao động tập thể;	1		
	1.8. Nội dung, hình thức đối thoại tại doanh nghiệp nhà nước.	1		
2	Có nhiều hình thức linh hoạt để người lao động tham gia ý kiến vào các nội dung phù hợp với điều kiện theo quy định tại Điều 72 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, gồm:			
	2.1. Tham gia ý kiến trực tiếp hoặc thông qua người trực tiếp phụ trách của đơn vị, bộ phận của doanh nghiệp;	1		
	2.2. Thông qua tổ chức đại diện người lao động, nhóm đại diện đối thoại của người lao động;	1		
	2.3. Thông qua hội nghị đối thoại tại doanh nghiệp;	1		
	2.4. Tham gia ý kiến qua hòm thư góp ý, đường dây nóng, hệ thống thông tin nội bộ hoặc cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử của doanh nghiệp;	1		
	2.5. Các hình thức khác không trái với quy định của pháp luật và được quy định trong quy chế thực hiện dân chủ của doanh nghiệp.	1		
3	Định kỳ hằng năm có tổ chức hội nghị đối thoại với người lao động, tổ chức đại diện người lao động tại doanh nghiệp.	4		
IV	NGƯỜI LAO ĐỘNG Ở DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC KIỂM TRA, GIÁM SÁT	20		
1	Người sử dụng lao động và tổ chức đại diện tập thể người lao động tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động thực hiện quyền kiểm tra, giám sát	5		
2	Kết quả kiểm tra, giám sát được công khai theo quy định, nhất là việc thực hiện hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể, nội quy lao động, các quy định, quy chế của doanh nghiệp.	5		
3	Ban Thanh tra Nhân dân có xây dựng chương trình công tác theo từng quý, 6 tháng và hằng năm; thực hiện kiểm tra, giám sát theo chương trình, báo cáo hoạt động của mình với Ban Chấp hành Công đoàn và tại hội nghị người lao động của doanh nghiệp Nhà nước.	5		
4	Ban Thanh tra Nhân dân được hỗ trợ kinh phí hoạt động và thực hiện thanh quyết toán 100% kinh phí được hỗ trợ.	5		

V	HIỆU QUẢ CỦA VIỆC TỔ CHỨC THỰC HIỆN DÂN CHỦ Ở DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC	20		
1	Thường xuyên kiện toàn, củng cố, phát huy vai trò của các tổ chức đảng, đoàn thể trong doanh nghiệp. Xây dựng tổ chức đảng, đoàn thể vững mạnh theo kế hoạch đề ra hằng năm.	4		
2	Thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu về phát triển sản xuất, kinh doanh hằng năm theo kế hoạch đề ra; bảo đảm doanh nghiệp hoạt động đúng hiến pháp, pháp luật; thực hiện tốt chế độ, chính sách với người lao động theo quy định.	4		
3	Đảm bảo việc làm, nâng cao đời sống người lao động: Tiền lương, thu nhập, tiền thưởng, phúc lợi xã hội... đảm bảo năm sau cao hơn năm trước; quan tâm đời sống tinh thần của người lao động.	4		
4	Thực hiện tốt công tác an toàn, vệ sinh lao động trong doanh nghiệp; quan tâm cải thiện điều kiện làm việc, bảo vệ môi trường; không để xảy ra tai nạn lao động chết người hoặc tai nạn nặng từ 02 người trở lên hoặc xảy ra sự cố thiết bị nghiêm trọng.	4		
5	Không có khiếu nại, tố cáo liên quan đến vi phạm dân chủ trong quản lý, điều hành của người sử dụng lao động; không để xảy ra tình trạng vi phạm pháp luật trong doanh nghiệp đến mức phải xử lý hình sự; không có đình công, bãi công, lãn công trái quy định của pháp luật.	4		

II. Cách thức đánh giá mức độ thực hiện dân chủ ở cơ sở

1. Nội dung đánh giá kết quả thực hiện dân chủ ở cơ sở trong các doanh nghiệp, gồm có 05 nội dung đánh giá; mỗi nội dung có các tiêu chí đánh giá và trong các tiêu chí có thể có các tiêu chuẩn chấm điểm.

2. Cách chấm điểm các tiêu chí

2.1. Đối với các tiêu chí không có các tiêu chuẩn chấm điểm:

Tiêu chí nào thực hiện tốt chấm 100% số điểm chuẩn; tiêu chí nào thực hiện chưa tốt tính điểm tương ứng theo tỷ lệ các nội dung đạt được trong tiêu chí, ở các mức 25% hoặc 50% hoặc 75%; và tiêu chí nào chưa thực hiện thì chấm 0 điểm.

2.2. Đối với các tiêu chí có các tiêu chuẩn chấm điểm:

Tiêu chuẩn nào thực hiện tốt chấm 100% số điểm chuẩn; tiêu chuẩn nào có thực hiện nhưng chưa tốt chấm 50% số điểm chuẩn và tiêu chuẩn chưa thực hiện thì chấm 0 điểm cho tiêu chuẩn đó.

3. Việc xét điểm thưởng hoặc điểm trừ trong tổ chức thực hiện

3.1. Điểm thưởng (tối đa 5 điểm):

Doanh nghiệp hoàn thành vượt mức chỉ tiêu kế hoạch đề ra, đời sống công nhân lao động nâng lên (cộng tối đa 3 điểm); có nhiều vận dụng sáng tạo trong triển khai thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở phù hợp với tình hình thực tế của doanh nghiệp (cộng tối đa 2 điểm).

3.2. Điểm trừ (tối đa 5 điểm):

Doanh nghiệp thực hiện chế độ báo cáo xây dựng và thực hiện dân chủ ở cơ sở không đảm bảo thời gian, chất lượng theo yêu cầu (trừ tối đa 2 điểm); lãnh đạo doanh nghiệp bị xử lý hình thức kỷ luật liên quan đến vi phạm dân chủ ở cơ sở (trừ tối đa 3 điểm).

III. Xếp loại mức độ thực hiện dân chủ ở cơ sở

Căn cứ tổng số điểm đánh giá các nội dung thực hiện dân chủ ở cơ sở trong các doanh nghiệp và điểm thưởng/hoặc điểm trừ trong tổ chức thực hiện: để xếp loại mức độ thực hiện dân chủ ở cơ sở:

1. Loại xuất sắc: Đạt trên 90 điểm, trong đó không có tiêu chí nào có số điểm đạt dưới 75% số điểm chuẩn của từng tiêu chí.

2. Loại tốt: Đạt trên 80 điểm đến 90 điểm, trong đó không có tiêu chí nào có số điểm đạt dưới 60% số điểm chuẩn của từng tiêu chí.

3. Loại khá: Đạt trên 70 điểm đến 80 điểm, trong đó không có tiêu chí nào có số điểm đạt dưới 50% số điểm chuẩn của từng tiêu chí.

4. Loại trung bình: Đạt từ 50 điểm đến 70 điểm, trong đó không có tiêu chí nào bị 0 điểm.

5. Loại yếu: Đạt dưới 50 điểm.